

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HS-ST  
Ngày 18 - 9 - 2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thủy;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Đức Đông và bà Nguyễn Thị Huyền.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Đào Xuân Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

**Nguyễn Tuấn A (Tên gọi khác C)**, sinh năm 2001 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn V, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị O; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Thế D1, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Chị Hà Thị Thúy K, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Lê Trọng K1, sinh năm 1992; chị Hồ Thị T, sinh năm 2001; đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2020, anh Nguyễn Minh H đến thuê nhà trọ tại thôn Q, xã C, thị xã D, tỉnh Hà Nam để làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ, phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn thị xã D, tỉnh Hà Nam. Khi biết anh H làm dịch vụ này, Nghiêm Trí T2 có ý định bắt anh H phải đóng tiền hàng tháng (Tiền bảo kê) với số tiền 1.000.000 đồng/nhân viên/tháng thì anh H mới được đưa nhân viên nữ đến phục vụ tại các quán hát Karaoke; anh H xin nộp số tiền 5.000.000 đồng/tháng, T2 đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, T2 cùng với Nguyễn Phi L chiếm đoạt của anh H với tổng số tiền 96.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tháng 7 năm 2023, T2 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, thấy anh Nguyễn Văn M đến xã C, thị xã D thuê phòng trọ và làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ, phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke. T2 gặp và yêu cầu anh M phải nộp tiền bảo kê thì mới được đưa nhân viên nữ đến phục vụ tại các quán hát Karaoke; ngày 23/10/2023, anh M đã nộp 5.000.000 đồng tiền bảo kê cho T2.

Tối ngày 20/11/2023, tại nhà hàng Q thuộc Khu đô thị H, phường H, thị xã D; T2 cùng với Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A trực tiếp gặp anh H, anh M, anh Nguyễn Thế D1 cùng một số người khác làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ cho các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và khu vực lân cận để tiếp tục yêu cầu nộp tiền bảo kê. Tại đây, T2 và K1 yêu cầu anh H, anh M, anh D1, cùng những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên khác phải nộp tiền bảo kê là 1.000.000 đồng/nhân viên/tháng thì mới cho hoạt động; đồng thời, giao cho Nguyễn Tuấn A thực hiện việc thu tiền. Sau buổi gặp tại nhà hàng Q, K1 nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Thế D1 nộp tiền nếu không nộp, sẽ không cho hoạt động. Do anh D1 chưa nộp tiền nên khi nhân viên của anh D1 đi phục vụ tại các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C đã bị một số đối tượng (Không rõ tên tuổi) đe dọa, chặn đường không cho đi làm. Thấy bị gây khó khăn, anh D1 đã cho nhân viên tạm nghỉ làm một thời gian; K1 chỉ đạo Tuấn A nhiều lần liên hệ qua điện thoại thúc giục, yêu cầu anh D1 nộp tiền, thời điểm này anh D1 đang quản lý 07 nhân viên, Tuấn A yêu cầu anh D1 phải nộp số tiền là 7.000.000 đồng. Anh D1 lo sợ nếu không nộp tiền sẽ bị gây khó khăn cho việc làm ăn hoặc nhân viên đi làm sẽ bị chặn đánh nên đã đồng ý nộp tiền bảo kê cho nhóm của T2, K1 để được tiếp tục hoạt động. Chiều ngày 06/12/2023, khi anh D1 đang ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Tuấn A nhắn tin hỏi D1 “Về chưa em”, biết Tuấn A thúc giục nộp tiền nên anh D1 nhắn tin lại cho Tuấn A “Gửi em số tài khoản”, Tuấn A nhắn tin cho anh D1 có nội dung “Số tài khoản 5150847935 mang tên Ho Thi T mở tại Ngân hàng B”. Do tài khoản ngân hàng không có đủ tiền, anh D1 hẹn Tuấn A trưa ngày 07/12/2023, đến nhà trọ của D1 tại khu vực chợ H1, thị xã D để nhận tiền và gọi điện thoại cho chị Hà Thị Thúy K (Vợ D1) để chị K đưa tiền cho Tuấn A. Khoảng 13 giờ ngày 07/12/2023, Tuấn A đến nhà trọ để thu tiền và được chị K đưa cho Tuấn A số tiền 7.000.000 đồng để nộp tiền bảo kê cho T2.

Do mức tiền bảo kê T2, K1 yêu cầu phải nộp quá cao nên anh H, anh M chỉ đồng ý nộp số tiền 5.000.000 đồng/tháng nên T2 và K1 không đồng ý. Sau đó

T2, K1 và Tuấn A nhiều lần gặp yêu cầu anh H, anh M phải nộp tiền nhưng anh H, anh M không nộp. Ngày 04/12/2023, T2, K1 cùng một số đối tượng (Không rõ tên, tuổi) đến các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C như Á, W, H, H, H... yêu cầu các chủ quán không được gọi nhân viên của anh H, anh M đến phục vụ khách hát Karaoke.

Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023, T2, K1 và một số đối tượng (Không rõ tên, tuổi) đến nhà trọ của anh H ở thôn Q, xã C để yêu cầu anh H, anh M nộp tiền bảo kê thì xảy ra xô xát. Tại đây, Phạm Văn Đ bị T2 dùng tay nắm vào mặt, ngực và ghì cổ Đ xuống; K1 dùng tay nắm vào mặt anh M. Bị đánh anh M và Đ bỏ chạy vào phía bên trong nhà trọ của anh H và Đ lấy khẩu súng từ trong người ra, xoay người lại cầm súng ở tay phải chĩa thẳng súng về phía T2, K1. Khi còn cách khoảng 01m, Đ bắn liên tiếp 02 phát súng về phía T2, K1; trong đó 01 viên trúng vào vùng trán phía bên trái của T2, 01 viên trúng vào cánh tay phải của K1.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam; tuy nhiên Nguyễn Tuấn A đã bỏ trốn; đồng thời, ra Lệnh khám xét nơi ở đối với Nguyễn Tuấn A nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án. Ngày 15/7/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Tuấn A. Ngày 24/7/2024 Tuấn A đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; đồng thời, giao nộp hình ảnh chụp từ điện thoại thể hiện Nguyễn Tuấn A cung cấp tài khoản Ngân hàng số 5150847935 cho anh D1, có chữ ký xác nhận của anh D1.

Kết quả kiểm tra, xác minh tài khoản Ngân hàng số 5150847935, chủ tài khoản Hồ Thị T, sinh năm 2001, nơi ĐKKHTT: xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã D.

Ngày 21/3/2024, Cơ quan điều tra đã tổ chức cho chị Hà Thị Thúy K, anh Nguyễn Thế D1 nhận dạng Nguyễn Tuấn A. Kết quả nhận dạng ảnh, chị K nhận được ảnh số 4 và anh D1 nhận được ảnh số 2 là Nguyễn Tuấn A (Tên gọi khác là C) trong bản ảnh nhận dạng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25/7/2024, anh Nguyễn Văn D (Bố đẻ Tuấn A) đã trả số tiền 7.000.000 đồng cho anh Nguyễn Thế D1; anh D1 đã nhận đủ tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Tuấn A.

Cáo trạng số 66/CT-VKS-P2 ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Tuấn A về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 170; của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Lời nói cuối cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các nhân chứng đều vắng mặt; tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị tiếp tục xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh, tính chất mức độ phạm tội

[3.1] Về tội danh, quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận các tình tiết trong Cáo trạng đúng với nội dung vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Lây lý do thu tiền để làm quỹ thăm nuôi các đối tượng đang phải chấp hành án tại các Trại tạm giam. Nghiêm Trí T2, Nguyễn Phi L, Lê Trọng K1 là đối tượng có tiền án và nhân thân xấu cùng một số đối tượng khác (Không xác định được tên, tuổi và địa chỉ) đã yêu cầu những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ, phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và các xã lân cận, thuộc thị xã D phải nộp tiền bảo kê hàng tháng. Để thực hiện mục đích của mình, T2, K1, Tuấn A và một số đối tượng khác đến gặp các chủ quán hát Karaoke trên địa bàn xã C, yêu cầu không được gọi nhân viên nữ của những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ, phục vụ quán hát nhưng không đóng tiền bảo kê cho T2. Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023 T2, L đã chiếm đoạt của anh H tổng số tiền 96.000.000 đồng và tháng 7 năm 2023 chiếm đoạt của anh M 5.000.000 đồng để sử dụng cá nhân.

Để tiếp tục thực hiện mục đích chiếm đoạt tiền, tối ngày 20/11/2023, tại nhà hàng Q, thuộc khu đô thị H, phường H, thị xã D, T2, Lê Trọng K1 và

Nguyễn Tuấn A (Tức C) gặp anh H, anh M, anh Nguyễn Thế D1 cùng một số người khác làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ. Tại đây, T2, K1, Tuấn A yêu cầu những người này phải nộp tiền bảo kê; đồng thời, giao cho Nguyễn Tuấn A thực hiện việc thu tiền. Do anh D1 chưa nộp tiền nên nhân viên của anh D1 đi phục vụ tại các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C đã bị một số đối tượng (Không rõ tên tuổi) đe dọa, chặn đường không cho đi làm. Do đó, ngày 07/12/2023, anh D1 phải đưa cho Tuấn A số tiền 7.000.000 đồng để nộp tiền bảo kê cho T2 và K1.

Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023, T2, K1 và một số đối tượng đến khu nhà trọ của anh H để yêu cầu anh H, anh M nộp tiền bảo kê. Khi T2, K1 sử dụng chân tay không đánh Phạm Văn Đ và anh M thì bị Đ sử dụng súng tự chế thuộc vũ khí quân dụng bắn liên tiếp 02 phát súng về phía T2, K1 trong đó 01 viên trúng vào vùng trán phía bên trái của T2, 01 viên trúng vào cánh tay phải của K1.

Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Tuấn A đồng phạm với Nghiêm Trí T4 và Lê Trọng K1 chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế D1 với số tiền 7.000.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản (Tiền) của người bị hại được pháp luật bảo vệ; bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với động cơ tư lợi cá nhân, ý thức coi thường pháp luật, bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại trực tiếp về tài sản của người bị hại, gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về vị trí, vai trò của bị cáo thì thấy: Nghiêm Trí T2 là người chủ mưu, cầm đầu, chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 108.000.000 đồng (96.000.000 đồng + 5.000.000 đồng + 7.000.000 đồng) đã chiếm đoạt được của các bị hại nên giữ vai trò thứ nhất; Nguyễn Phi L đồng phạm với T2, chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt được của anh H là 96.000.000 đồng nên giữ vị trí thứ 2; Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A đồng phạm với T2, chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt được của anh D1 là 7.000.000 đồng nên giữ vị trí thứ 3. Đối với Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; với mức hình phạt 04 năm tù (Đối với L) và 02 năm tù (Đối với K1). Riêng Nghiêm Trí T2 hiện đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[5.1] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; sau khi bỏ trốn đã đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 25 tháng 7 năm 2024, gia đình bị cáo đã trả lại cho anh Nguyễn Thế D1 số tiền 7.000.000 đồng; anh D1 không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với Nghiêm Trí T2 đang bị truy nã, Cơ quan điều tra tách vụ án khi nào bắt được T2 sẽ xử lý sau. Riêng chị Hồ Thị T cho Nguyễn Tuấn A mượn tài khoản Ngân hàng để nhận tiền, chị T không biết Tuấn A sử dụng để nhận tiền do phạm tội mà có nên chị T không đồng phạm với Tuấn A.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 106; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 7 năm 2024.

- Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Tuấn A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Trác Văn; thị xã Duy Tiên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đức Thủy**